

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày: 20/5/2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh
2. Ông Dương Văn Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng E**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận Ô, TP. Cần Thơ. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng M**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận Ô, TP. Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng E trình bày:

Nguyên vào ngày 15/7/2018 dương lịch, bà có làm chủ hụi, anh Nguyễn Hoàng M là cháu nên có hỏi bà cho anh M tham gia chơi hụi nên bà đồng ý cho

anh M tham gia một chân hụi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng.

Hụi khai ngày 15/7/2018 dương lịch gồm có 20 hụi viên. Anh M đóng hụi đến tháng thứ 09 là vào ngày 15/3/2019 dương lịch thì anh M kêu hốt hụi được số tiền là 44.720.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng), đến ngày 25/3/2019 dương lịch bà đã giao số tiền hụi 44.720.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng) cho anh M.

Sau khi hốt hụi anh M có nghĩa vụ đóng hụi chết lại cho bà là 11 lần hụi chết x 3.000.000 đồng = 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

Nhưng khi hốt hụi xong anh M không đóng hụi chết lại cho bà nên bà đến nhà đòi nhiều lần thì đến tháng 6 năm 2019 anh M có đóng hụi cho bà được số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thì ngưng cho đến nay, hiện tại chân hụi này đã mãn.

Do anh M đã đóng được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào tháng 6 năm 2019 nên số tiền còn lại anh M phải trả cho bà là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng).

Đã nhiều lần bà đến nhà yêu cầu anh M đóng hụi chết cho bà nhưng anh M cố tình tránh mặt không có thiện chí trả số tiền nợ hụi cho bà nên bà yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết.

Sự việc được hoà giải vào ngày 03/12/2020, tại phiên hoà giải của tổ hoà giải ghi nhận bà có làm chủ hụi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) một tháng gồm 20 phần, trong đó anh M có tham gia 01 phần hụi vào ngày 15/7/2018 đến tháng 3 năm 2019 là hốt hụi được số tiền 44.720.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng), từ đó đến nay anh M chỉ đóng được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền còn lại là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng) anh M không có đóng.

Khi hoà giải, anh M có trình bày vì hoàn cảnh khó khăn nên xin mỗi tháng đóng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) cho đến khi hết số tiền nợ hụi còn lại là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng). Bà đề nghị anh M đóng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) vì bà cũng khó khăn. Sau đó anh M đề nghị được trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trên 01 tháng nhưng bà không đồng ý, bà yêu cầu anh M trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) trên 01 tháng thì anh M không đồng ý, cuộc hoà giải không thành nên bà khởi kiện đến Tòa án.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Hoàng M trả cho bà số tiền nợ hụi là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, thông báo, niêm yết các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự họp lệ đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng M để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh M vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Hoàng M trả cho nguyên đơn số tiền nợ hui là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng góp hui, sau đó phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng góp hui” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét giao dịch dân sự:

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và sự thừa nhận của phía nguyên đơn, bị đơn có căn cứ xác định việc tham gia góp hui giữa nguyên đơn (chủ hui) với bị đơn (hui viên) là có thật.

Xét yêu cầu của phía nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hui (hui chết) tương ứng với dây hui cụ thể như sau: Hui tháng mở ngày 15/7/2018 (dương lịch), mệnh giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/phần, dây hui gồm 20 phần; bị đơn anh Nguyễn Hoàng M tham gia 01 phần.

Theo đó, anh M đóng hui đến tháng thứ 9 thì kêu hốt hui vào ngày 15/3/2019 (dương lịch), anh M hốt hui và đã nhận số tiền 44.720.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi đồng) vào ngày 25/3/2019 (dương lịch).

Sau khi hốt hui anh M có nghĩa vụ đóng hui chết lại cho nguyên đơn 11 lần với số tiền là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng). Đến tháng 6 năm 2019 anh M có đóng hui cho nguyên đơn được số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thì ngưng cho đến nay, hiện tại chân hui này đã mãn.

Như vậy, anh M còn nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng E số tiền hui là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng). Vì vậy, bà E yêu cầu anh M trả số tiền nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Xem xét các tài liệu, chứng cứ thể hiện:

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ là hợp pháp, gồm:

Sổ ghi hui là văn bản do chính nguyên đơn đơn phương thực hiện. Theo đó, nguyên đơn có ghi nhận việc M có trong danh sách giao kết hui theo số thứ tự số 12, có ghi nhận việc M đóng hui đến tháng thứ 09 là tháng 3 năm 2019 dương lịch M kêu 980.000 đồng (Chín trăm tám mươi đồng), tiền hốt hui là 44.720.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi đồng), đến tháng 6 năm 2019 có đóng hui được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), sau đó không đóng hui nữa. Nhưng trong sổ ghi hui này không thể hiện việc có xác nhận giữa chủ hui bà Nguyễn Thị Hồng E và hui viên anh Nguyễn Hoàng M.

Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải của tổ hoà giải ngày 03/12/2020 thể hiện việc xác định số tiền nợ hui đối với dây hui, cụ thể:

Theo biên bản ghi nhận, bà Hồng E có làm hui là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) một tháng gồm 20 phần, trong đó M có tham gia 01 phần, M có hốt hui được số tiền 44.720.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi đồng), ngày tham gia là 15/7/2018 đến tháng 3 năm 2019 là hốt hui rồi, từ đó đến nay M chỉ đóng được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền còn lại là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng) M không có đóng. Khi hoà giải, anh M có trình bày ý kiến vì hoàn cảnh khó khăn nên mỗi tháng đóng 500.000 đồng (Năm trăm

ngàn đồng đồng) cho đến khi hết số tiền nợ hui là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng). Bà E đề nghị M đóng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) vì bà cũng khó khăn. Sau đó anh M đề nghị được trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trên 01 tháng nhưng bà E không đồng ý, bà E yêu cầu anh M trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) trên 01 tháng thì M không đồng ý nên cuộc hoà giải không thành. Vì vậy, tài liệu này đáp ứng được yêu cầu của một chứng cứ theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung chứng cứ phân tích, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế giao dịch hui. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền hui chết là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357; Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng E đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng M.

Buộc anh Nguyễn Hoàng M trả cho bà Nguyễn Thị Hồng E số tiền 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011423 ngày 21/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Thị Thúy Hằng